TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 3 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thành Viên
2. Ông Phan Minh Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G ,Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa*, Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2018, tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1259/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02/10/2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài T; địa chỉ: Số H đường T, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Phan Minh Trí D; địa chỉ: Số N đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Chị T có mặt, anh D có đơn xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 13/9/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu, sống chung năm 2014, đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận G. Thời gian về sống chung, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên anh chị sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Yêu cầu cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung tên Phan Ngọc Lâm A, sinh ngày 17/9/2016. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/01/2018, bị đơn - Anh Phan Minh Trí D đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của Chị T phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục giải quyết:

Chị T có đơn tranh chấp về ly hôn với anh D. Anh D cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh D có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đây là ý chí của anh D. Yêu cầu của anh D phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Hoài T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa Chị T và anh D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh D đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của Chị T phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị T, anh D đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Tphải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án :

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoài T

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Phan Minh Trí D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 164/2016, quyển số 01/2016, ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không còn hiệu lực.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Ngọc Lâm A, sinh ngày 17/9/2016 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Chị T phải chịu. Cấn trừ vào số tiền Chị T đã tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2017/0027490, ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hạnh